

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HS-ST

Ngày: 20 - 9 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn ;
2. Ông Hoàng Quang Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Bá Đạt, thư ký tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lý A Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Vàng A D, T gọi khác: không; Sinh ngày 25/4/1999 tại **huyện M, tỉnh Yên Bái** Nơi cư trú: bản Sáng Nhù, **xã M, huyện M, tỉnh Yên Bái**; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Mông Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vàng A G** sinh năm 1977 và bà **Thào Thị G1, S** năm 1979; có vợ là **Mùa Thị M** - Sinh năm 2002 (Hiện đã ly hôn) và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Vàng A Đình bị Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 11/2017/HSST ngày 28/02/2017. Ngày 21/3/2018 chấp hành xong hình phạt tù. Đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm theo Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 10/GXN- CCTHADS

ngày 01/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái. Đến thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị can đã được xóa án tích.

Bị bắt tạm giam từ ngày 16/6/2023. Có mặt.

2. **Thào A C, T** gọi khác: không; Sinh ngày 17/01/2005 tại huyện M, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: bản Sáng Nhù, xã M, huyện M, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mông; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Thào A C1** sinh năm 1978 và bà **Vàng Thị Giàng S1** năm 1978; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không.

- Tiền án: Ngày 28/4/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử 03 tháng 09 ngày về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị bắt tạm giam từ ngày 17/7/2023. Có mặt.

3. **Hờ A T1, T** gọi khác: không; Sinh ngày 09/4/2003 tại huyện M, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: bản M, xã M, huyện M, tỉnh Yên Bái. Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mông; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con bà **Hờ Thị N**, sinh năm 1973 có vợ là **Vàng Thị M1**, sinh năm 2001 và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2023. Có mặt.

4. **Vàng A S2, T** gọi khác: không; Sinh ngày 28 tháng 01 năm 2005 tại huyện M, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: bản Sáng Nhù, xã M, huyện M, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Mông; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông **Vàng A S3**, sinh năm 1980 và bà **Hàng Thị D1**, sinh năm 1987; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không; Tại ngoại tại nơi cư trú, có mặt.

- Bị hại: Anh **Quản Văn H**, Sinh năm 1985; Địa chỉ: **Tổ D, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái**. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Dương Văn P**, sinh năm 1977, trú tại: **khu phố D, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh**. Vắng mặt.

+ Chị **Vàng Thị M1**, sinh năm 2001, trú tại: **bản M, xã M, huyện M, tỉnh Yên Bái**. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc L, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà Nước tỉnh Y. Có mặt.

- Người phiên dịch tiếng Mông: ông Thảo A D2, trú tại: Tổ E, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 29/5/2023, Vàng A D, sinh năm 1999, trú tại bản Sáng Nhù, xã M, huyện M gặp Vàng A S2 - Sinh năm 2005 tại quán “Internet Khánh D3” ở tổ B, thị trấn M, huyện M. Tại đây, D rủ S2 đi trộm tiền để chơi net, nghe vậy S2 đồng ý, ngay sau đó, D gặp Thảo A C - Sinh năm 2005 nên rủ C đi trộm cắp cùng, C đồng ý. Dình nói là cần có dao để cắt tôn vào nhà trộm tiền nên Vàng A S2 đã sử dụng điện thoại di động của D gọi điện thoại cho Hờ A T1 - Sinh năm 2003 để mượn dao. Khoảng 15 phút sau, Hờ A T1 đi xe mô tô xuống và đưa cho D 01 (một) con dao nhọn, bên ngoài có vỏ bằng gỗ. D nói với T1 mang dao này đi cắt tôn để vào trộm tiền, T1 hỏi là “của nhà nào” thì D nói “cứ đi rồi sẽ biết”. Sau đó D, T1, S2 đi xe mô tô xuống khu vực cây xăng cuối thị trấn M, huyện M, khi đi qua cửa hàng kinh doanh phân bón, vật liệu xây dựng của anh Quản Văn H - Sinh năm 1985, trú tại tổ D, thị trấn M, Vàng A D chỉ cho T1 đó là nhà định vào lấy trộm rồi quay lại khu vực chợ huyện M. Khi quay về, T1 không đồng ý đi tham gia trộm vì do quen biết và hay làm thuê cho anh H nhưng đồng ý cho D mượn dao và xe mô tô để đi trộm tiền, nếu lấy trộm được thì chia cho T1 một ít để ăn sáng, D đồng ý.

Đến khoảng 00 giờ ngày 30/5/2023, C điều khiển xe mô tô chở theo S2 ngồi ở giữa và D ngồi sau cùng đi về phía cuối thị trấn M để thực hiện trộm cắp. Khi đi đến cách cửa hàng của anh H khoảng 100m, D một mình vào lấy trộm và dặn trộm xong Dình sẽ gọi điện cho C hoặc S2 xuống đón. Dình đã trèo lên ta luy phía sau rồi đi lên mái lợp bằng tấm pơ rô xi măng nối giữa ta luy và vách phía sau cửa hàng, dùng dao nhọn rạch chéo tấm nhựa để chui vào bên trong cửa hàng, sau đó đi đến vị trí để chiếc hòm bằng sắt rồi bê hòm vào nhà vệ sinh và cạy khóa để mở hòm

nhưng không mở được nên đi tìm trong cửa hàng thấy có chiếc kim cắt sắt nên đã mang kim vào nhà vệ sinh để cắt khóa, mở hòm ra thấy bên trong có nhiều tiền, D lấy toàn bộ số tiền trong hòm cho vào túi quần đang mặc rồi ra mở chốt cửa phía sau cửa hàng đi ra ngoài. D gọi điện thoại cho C báo đến đón, khoảng 05 phút sau D chạy từ phía sau cửa hàng ra đường thì thấy S2 đã đợi sẵn nên D lên xe cùng S2 đi đón C rồi cả ba đi xe mô tô lên hướng xã K, huyện M khoảng gần 01km thì dừng xe lại vào một lán ruộng ngay gần đường. Tại đây, D lấy ra một số tiền loại mệnh giá 2.000đ (hai nghìn đồng) và 1.000đ (một nghìn đồng) rồi báo với C và S2 là chỉ trộm được bằng đây tiền, Dành chia cho C và S2 mỗi người 175.000đ, đưa cho C 150.000đ để gửi cho T1, số tiền trộm được còn lại D không nói cho C, S2 biết mà vẫn để trong túi quần. Sau đó D đưa dao cho S2 để trả lại cho T1 và báo C chờ xuống trung tâm huyện để bắt xe khách đi huyện T - Lai Châu, xuống huyện chưa có xe khách nên C chờ D đi lên đến gần bản N thì gặp xe đem đi Lai Châu nên D bắt xe này đi đến bến xe khách huyện T, D xuống xe rồi vào thuê nhà nghỉ gần bến xe khách huyện T, trong nhà nghỉ D bỏ số tiền trộm được còn lại ra đếm có tổng cộng 43.300.000đ gồm nhiều loại tiền có mệnh giá khác nhau.

Ngày 02/6/2023, D đã sử dụng một phần số tiền trộm cắp được mua 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, kiểu loại EXCITER, biển kiểm soát 37H1 - 435.84 tại một cửa hàng mua bán xe máy tại tỉnh Bắc Giang với giá 21.500.000 đồng. Đến ngày 06/6/2023, D đã cầm cố chiếc xe này tại cửa hàng C2 có địa chỉ tại khu phố D, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh với giá 15.000.000 đồng. Đến ngày 14/6/2023, D bị bắt và giao nộp 2.280.000đ là số tiền còn lại do trộm cắp được tại nhà anh H ngày 30/5/2023. Quá trình điều tra, Thảo A C giao nộp 152.000 đồng; Vàng A S2 giao nộp 142.000 đồng là số tiền còn lại được D chia cho sau khi lấy trộm tại cửa hàng Q; Hờ A đã chi tiêu cá nhân hết số tiền 150.000 đồng được Dành chia.

Tại bản Kết luận giám định số 398/KL- KTHS ngày 03/7/2023 của Phòng K Công an tỉnh Y kết luận: Tổng số tiền 2.574.000đ gửi giám định là tiền do ngân hàng N1 phát hành.

Cáo trạng số: 23/ CT - VKS - MCC ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái đã truy tố Vàng A D, Thào A C, Hồ A, Vàng A S2 về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 điều 173; Điểm s Khoản 1 điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt Vàng A D từ một năm sáu tháng đến hai năm tù. Áp dụng Khoản 1 điều 173; Điểm s Khoản 1 điều 51, điểm h khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự Xử phạt Thào A C từ một năm đến một năm sáu tháng tù. Áp dụng Khoản 1 điều 173; Điểm i, s Khoản 1 điều 51, điều 65 của Bộ luật hình sự; xử phạt Hồ A T1 từ sáu đến chín tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng; xử phạt Vàng A S2 từ sáu đến chín tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng. Buộc các bị cáo phải tiếp tục bồi thường thiệt hại đã gây ra, không áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền.

Người bào chữa cho các bị cáo có ý kiến: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rõ ràng, các bị cáo bị truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; Tuy nhiên, các bị cáo sinh ra ở xã khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; thành khẩn khai báo; Hai bị cáo Hồ A T2, Vàng A S2 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo: Vàng A D từ một năm đến một năm chín tháng tù. xử phạt Thào A C từ một năm đến một năm sáu tháng tù. Áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo: Hồ A T2 từ sáu đến bảy tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Vàng A S2 từ sáu đến bảy tháng tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn tiền án phí cho các bị cáo. Các bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Người bào chữa, không bổ sung thêm. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1 Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi mình đã thực hiện, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với đơn trình báo, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định...và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện, ngày 30/5/2023, tại **tổ D, thị trấn M, huyện M, tỉnh Yên Bái** các bị cáo **Vàng A D, Thảo A C, Hờ A, Vàng A S2** đã lén lút chiếm đoạt của anh **Quản Văn H** số tiền 43.800.000 đ (Bốn mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là có căn cứ pháp luật, đúng người và đúng tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo **Vàng A D, Hờ A, Vàng A S2** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo **Thảo A C** phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm”; bị cáo **vàng A D4** tuy không có tiền án, tiền sự nhưng đã một lần bị kết án nên xác định là người có nhân thân xấu. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; Bị cáo **Hờ A T2, Vàng A S2** phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[4] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật hình sự bảo vệ, hành vi của bị cáo **Vàng A D** sau khi phạm tội đã di chuyển bằng xe khách từ **huyện T, tỉnh Lai Châu đến các tỉnh Sơn La, Hà Nội, Thanh Hóa, Bắc Giang và Bắc Ninh** để lẩn trốn đã gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội; các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn thực hiện, do vậy, cần xử

lý các bị cáo nghiêm minh để răn đe và có tác dụng phòng ngừa chung. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Vàng A D giữ vai trò chính, vừa là người chủ mưu, vừa là người thực hành, nên Vàng A D phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo khác. Thảo A C, Hờ A, Vàng A S2 đồng phạm với Vàng A D trong hành vi chiếm đoạt số tiền 43.800.000 đồng với vai trò là người giúp sức. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét đến tính chất, mức độ, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, xét thấy: bị cáo Vàng A D là người chủ mưu, có nhân thân xấu, có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng đã từng bị kết án, do đó cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để bị cáo cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Các bị cáo Thảo A C, Hờ A, Vàng A S2 là đồng phạm tuy nhiên Thảo A C đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích lại phạm tội mới, do đó mức hình phạt cũng cao hơn Hờ A và Vàng A S2. Đối với Hờ A T2 và Vàng A S2 là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng; xét thấy không nhất thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động phổ thông, thu nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] về trách nhiệm dân sự: Số tiền 2.574.000đ (Được niêm phong trong ba phong bì do Phòng K - Công an tỉnh Y phát hành), đã thu hồi của các bị cáo cần trả lại anh Quản Văn H; Tại phiên tòa bị hại yêu cầu các bị cáo tiếp tục bồi thường những thiệt hại còn lại, yêu cầu này là có căn cứ nên các bị cáo phải tiếp tục liên đới theo phần bồi thường cụ thể như sau: 43.800.000đ - 2.574.000đ (Là số tiền các bị cáo đã nộp khi bị bắt) = 41.226.000đ, Bị cáo Vàng A D bồi thường 35.226.000đ; Các bị cáo Thảo A C, Hờ A, Vàng A S2 mỗi bị cáo 2.000.000đ. Tại phiên tòa các bị cáo đều nhất trí mức bồi thường nêu trên, cần ghi nhận yêu cầu này.

[7] về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, kiểu loại EXCITER, biển kiểm soát 37H1- 435.84; Quá trình điều tra xác định ngày 06/6/2023 cửa hàng cầm

đồ **Hồng P1** có nhận cầm cố của **Vàng A D** với thỏa thuận số tiền cầm cố là 15.000.000 đồng, thời gian cầm cố từ ngày 06/6/2023 đến ngày 16/6/2023 do đó đến ngày 17/6/2023 cửa hàng đã bán thanh lý chiếc xe mô tô này cho một người đàn ông không rõ thông tin, địa chỉ để thu hồi vốn nên Cơ quan điều tra không xác minh, thu hồi được chiếc xe mô tô nêu trên.

- 01 (một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, màu vàng đồng, mặt sau có chữ IPHONE S, tình trạng đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím số, màu đen, mặt trước có ký hiệu NOKIA, tình trạng đã qua sử dụng; đây là các công cụ phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà Nước.

- 01 (một) con dao nhọn, chiều dài 38cm (phần lưỡi dao dài 26cm, phần chuôi dao dài 12cm), tại phần chuôi dao có 02 vòng kim loại màu vàng bọc bên ngoài; 01 (một) vỏ dao bằng gỗ có chiều dài 28cm, bên ngoài có quấn 04 vòng băng dính màu đen và buộc dây đeo, tình trạng đã qua sử dụng. Đây là công cụ phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

- 03 (ba) vỏ phong bì đã mở niêm phong; 01 (một) túi vải màu đen, tình trạng đã qua sử dụng; 01 (một) ví giả da màu đen, tình trạng đã qua sử dụng, là những vật không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy

- 01 (một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, màu đen, mặt sau có ký hiệu SAMSUNG, tình trạng đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, màu xanh, mặt sau có ký hiệu REALME, tình trạng đã qua sử dụng. Đây là tài sản hợp pháp của **Vàng A D** và Hờ **A T2** không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với ông **Dương Văn P**, sinh năm 1977, trú tại **khu phố D, phường P, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh** là chủ **cửa hàng C2**; Thời điểm nhận cầm cố chiếc xe mô tô có đặc điểm như trên **Vàng A D** cung cấp được đầy đủ giấy tờ mua bán xe, giấy chứng nhận đăng ký xe, chứng minh nhân dân của **Vàng A D** nên việc nhận cầm cố chiếc xe là đúng quy định của pháp luật. Sau khi quá hạn hợp đồng cầm cố, ông **P** đã thanh lý chiếc xe để thu hồi vốn, do đó cơ quan CSĐT không đề cập việc xử lý đối với ông **P** là đúng quy định.

Đối với chiếc xe mô tô màu đỏ đen, nhãn hiệu HONDA, kiểu loại WAVE RSX, số khung: RLHJA3851NY129151, số máy: JA52E-0423489, không có biển kiểm soát, tình trạng đã qua sử dụng. Đây là xe của chị Vàng Thị M1, bị cáo Hờ A T2 sử dụng làm phương tiện phạm tội chị M1 Không biết, cần trả lại cho chị M1.

[7] Các bị cáo được miễn án phí sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

[8] Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 173 của Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Các bị cáo Vàng A D, Thảo A C, Hờ A, Vàng A S2 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; của Bộ luật hình sự, xử phạt Vàng A D 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 16/6/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt Thảo A C 01 (Một) năm 06 (S4) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 17/7/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Hờ A (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Vàng A S2 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Hờ A T2, Vàng A S2 cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện M, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho anh **Quản Văn H** 2.574.000đ (Hai triệu năm trăm bảy mươi tư nghìn đồng).

- Trả lại cho chị **Vàng Thị M1** 01 (Một) xe mô tô màu đỏ đen, nhãn hiệu HONDA, kiểu loại WAVE RSX, số khung: RLHJA3851NY129151, số máy: JA52E-0423489, không có biển kiểm soát, tình trạng đã qua sử dụng.

- Trả lại bị cáo **Vàng A D** 01 (một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, màu đen, mặt sau có ký hiệu SAMSUNG, tình trạng đã qua sử dụng; Trả lại bị cáo **Hồ A T2** 01 (một) chiếc điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, màu xanh, mặt sau có ký hiệu REALME, tình trạng đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà Nước: 01 (một) điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, màu vàng đồng, mặt sau có chữ IPHONE S, tình trạng đã qua sử dụng của **Thào A C**; 01 (một) điện thoại di động loại bàn phím số, màu đen, mặt trước có ký hiệu NOKIA, tình trạng đã qua sử dụng của **Vàng A D**.

- Tịch thu tiêu hủy:

01 (một) con dao nhọn, chiều dài 38cm (phần lưỡi dao dài 26cm, phần chuôi dao dài 12cm), tại phần chuôi dao có 02 vòng kim loại màu vàng bọc bên ngoài; 01 (một) vỏ dao bằng gỗ có chiều dài 28cm, bên ngoài có quấn 04 vòng băng dính màu đen và buộc dây đeo, tình trạng đã qua sử dụng; 03 (ba) vỏ phong bì đã mở niêm phong; 01 (một) túi vải màu đen, tình trạng đã qua sử dụng; 01 (một) ví giả da màu đen, tình trạng đã qua sử dụng.

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự, điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo **Vàng A D** bồi thường cho anh **Quản Văn H** 35.226.000đ (*Ba mươi lăm triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng*); buộc các bị cáo **Thào A C**, **Hồ A**, **Vàng A S2** mỗi bị cáo bồi thường cho anh **Quản Văn H** 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Có mặt) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKS huyện Mù Cang Chải;
- Công an huyện Mù Cang Chải;
- THA huyện Mù Cang Chải;
- Bị cáo (4);
- Bị hại; Người có QLLQ
- Hồ sơ THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hùng